



Centers for Disease Control and Prevention
CDC 24/7: Saving Lives, Protecting People™

Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)

[DANH MỤC >](#)

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 7 tháng 8 năm 2020 [ln](#)

TỔNG SỐ CA BỆNH

4,858,327

55,836 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

158,880

1.249 Ca Tử Vong Mới*

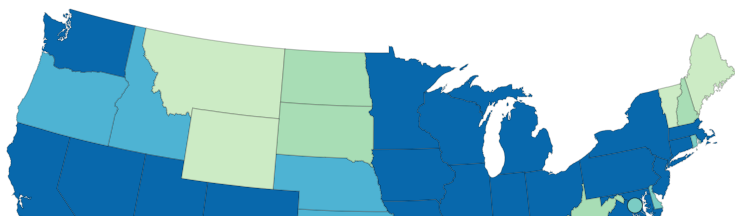
Quý vị muốn biết thêm dữ liệu?

Theo dõi dữ liệu COVID của CDC

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



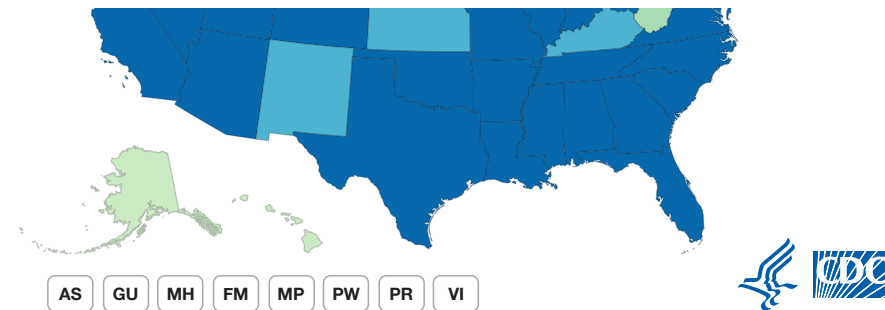
Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

☐ 0 đến 1.000

☐ 1,001 đến 5,000

☐ 5,001 đến 10,000































☐ 10,001 đến 20,000



- ☐ 0,001 đến 10,000
 ☐ 10,001 đến 20,000
☐ 20,001 đến 40,000
 ☐ 40.001 trở lên

Khu vực phân quyền

Khu Vực Phân Quyền	Số Ca Bệnh Đã Xác Nhận	Số Ca Bệnh Có Thể Có	Tổng Số Ca
<input type="radio"/> Alabama	93,402	3,190	96,592
<input type="radio"/> Alaska	N/A	N/A	3,484
<input type="radio"/> American Samoa	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Arizona	182,408	1,239	183,647
<input type="radio"/> Arkansas	N/A	N/A	47,028
<input type="radio"/> California	N/A	N/A	529,980
<input type="radio"/> Colorado	46,200	3,236	49,436
<input type="radio"/> Connecticut	48,273	1,972	50,245
<input type="radio"/> Delaware	14,368	997	15,365
<input type="radio"/> Washington D.C.	N/A	N/A	12,518
<input type="radio"/> Florida	N/A	N/A	504,768
<input type="radio"/> Georgia	N/A	N/A	204,895
<input type="radio"/> Guam	N/A	N/A	411
<input type="radio"/> Hawaii	N/A	N/A	2,741
<input type="radio"/> Idaho	21,916	1,483	23,399
<input type="radio"/> Illinois	188,424	1,281	189,705
<input type="radio"/> Indiana	N/A	N/A	71,015
<input type="radio"/> Iowa	N/A	N/A	47,632
<input type="radio"/> Kansas	29,076	641	29,717
<input type="radio"/> Kentucky	31,146	2,108	33,254
<input type="radio"/> Louisiana	N/A	N/A	127,246
<input type="radio"/> Maine	3,599	416	4,015
<input type="radio"/> Marshall Islands	0	0	0
<input type="radio"/> Maryland	N/A	N/A	93,806
<input type="radio"/> Massachusetts	111,533	8,341	119,874
<input type="radio"/> Michigan	85,429	9,227	94,656
<input type="radio"/> Micronesia	0	0	0
<input type="radio"/> Minnesota	N/A	N/A	59,185
<input type="radio"/> Mississippi	63,302	1,098	64,400

<input type="radio"/> Missouri 	N/A	N/A	56,383
<input type="radio"/> Montana 	4,744	0	4,744
<input type="radio"/> Nebraska 	N/A	N/A	27,821
<input type="radio"/> Nevada 	N/A	N/A	53,919
<input type="radio"/> New Hampshire 	N/A	N/A	6,742
<input type="radio"/> New Jersey 	N/A	N/A	183,701
<input type="radio"/> New Mexico 	N/A	N/A	21,773
<input type="radio"/> New York 	N/A	N/A	192,014
<input type="radio"/> North Carolina 	N/A	N/A	131,267
<input type="radio"/> North Dakota 	N/A	N/A	7,327
<input type="radio"/> Northern Marianas 	47	0	47
<input type="radio"/> Ohio 	92,273	5,198	97,471
<input type="radio"/> Oklahoma 	41,401	2,924	44,325
<input type="radio"/> Oregon 	19,182	1,043	20,225
<input type="radio"/> Palau 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Pennsylvania 	113,241	3,280	116,521
<input type="radio"/> Puerto Rico 	8,230	12,456	20,686
<input type="radio"/> Rhode Island 	N/A	N/A	19,611
<input type="radio"/> South Carolina 	96,132	665	96,797
<input type="radio"/> South Dakota 	N/A	N/A	9,273
<input type="radio"/> Tennessee 	114,801	1,549	116,350
<input type="radio"/> Texas 	N/A	N/A	467,485
<input type="radio"/> Utah 	43,245	361	43,606
<input type="radio"/> Vermont 	N/A	N/A	1,445
<input type="radio"/> Virgin Islands 	N/A	N/A	522
<input type="radio"/> Virginia 	94,141	3,741	97,882
<input type="radio"/> Washington 	N/A	N/A	60,917
<input type="radio"/> West Virginia 	7,123	154	7,277
<input type="radio"/> Wisconsin 	57,779	4,206	61,985
<input type="radio"/> Wyoming 	2,449	509	2,958

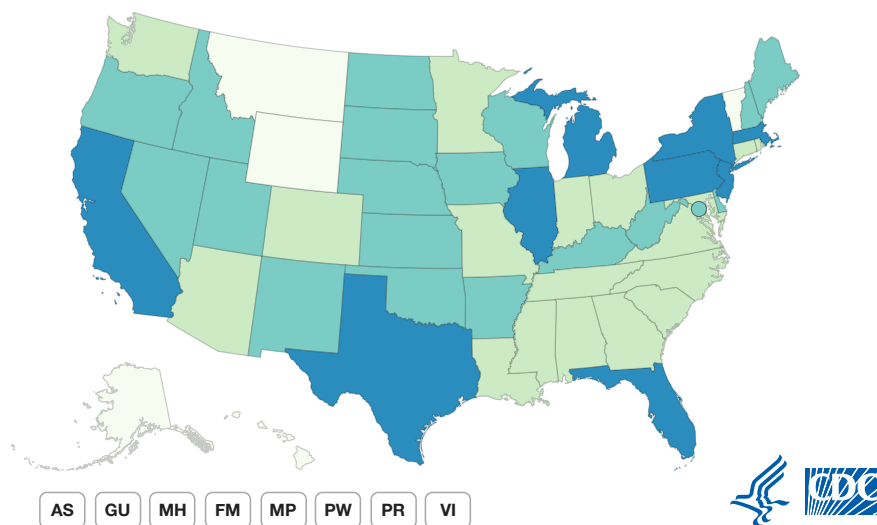
New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



















































Số ca tử vong đã báo cáo

- ☐ 0 to 100
- ☐ 1,001 to 5,000
- ☐ 101 to 1,000
- ☐ 5.001 trở lên

Khu vực phân quyền

Khu Vực Phân Quyền	Số Tử Vong Đã Xác Nhận	Số Tử Vong Có Thể Có	Tổng Số Tử Vong
<input type="radio"/> Alabama	1,654	60	1,714
<input type="radio"/> Alaska	N/A	N/A	25
<input type="radio"/> American Samoa	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Arizona	3,786	216	4,002
<input type="radio"/> Arkansas	N/A	N/A	515
<input type="radio"/> California	N/A	N/A	9,869
<input type="radio"/> Colorado	1,511	341	1,852
<input type="radio"/> Connecticut	3,555	882	4,437
<input type="radio"/> Delaware	517	70	587
<input type="radio"/> Washington D.C.	N/A	N/A	587
<input type="radio"/> Florida	N/A	N/A	7,747

<input type="radio"/> Georgia 	N/A	N/A	4,026
<input type="radio"/> Guam 	N/A	N/A	5
<input type="radio"/> Hawaii 	N/A	N/A	29
<input type="radio"/> Idaho 	199	24	223
<input type="radio"/> Illinois 	7,594	197	7,791
<input type="radio"/> Indiana 	2,811	202	3,013
<input type="radio"/> Iowa 	N/A	N/A	908
<input type="radio"/> Kansas 	N/A	N/A	368
<input type="radio"/> Kentucky 	756	4	760
<input type="radio"/> Louisiana 	4,028	118	4,146
<input type="radio"/> Maine 	N/A	N/A	124
<input type="radio"/> Marshall Islands 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Maryland 	3,429	136	3,565
<input type="radio"/> Massachusetts 	8,470	221	8,691
<input type="radio"/> Michigan 	6,247	259	6,506
<input type="radio"/> Micronesia 	0	0	0
<input type="radio"/> Minnesota 	1,640	41	1,681
<input type="radio"/> Mississippi 	1,772	53	1,825
<input type="radio"/> Missouri 	N/A	N/A	1,280
<input type="radio"/> Montana 	70	0	70
<input type="radio"/> Nebraska 	N/A	N/A	340
<input type="radio"/> Nevada 	N/A	N/A	927
<input type="radio"/> New Hampshire 	N/A	N/A	419
<input type="radio"/> New Jersey 	13,996	1,853	15,849
<input type="radio"/> New Mexico 	N/A	N/A	669
<input type="radio"/> New York 	N/A	N/A	8,871
<input type="radio"/> North Carolina 	N/A	N/A	2,092
<input type="radio"/> North Dakota 	N/A	N/A	110
<input type="radio"/> Northern Marianas 	2	0	2
<input type="radio"/> Ohio 	3,348	270	3,618
<input type="radio"/> Oklahoma 	593	0	593
<input type="radio"/> Oregon 	333	6	339
<input type="radio"/> Palau 	N/A	N/A	0
<input type="radio"/> Pennsylvania 	N/A	N/A	7,282
<input type="radio"/> Puerto Rico 	149	116	265
<input type="radio"/> Rhode Island 	N/A	N/A	1,014
<input type="radio"/> South Carolina 	1,863	80	1,943
<input type="radio"/> South Dakota 	139	2	141
<input type="radio"/> Tennessee 	1,147	39	1,186


<input type="radio"/> Texas 	N/A	N/A	7,803
<input type="radio"/> Utah 	331	0	331
<input type="radio"/> Vermont 	N/A	N/A	58
<input type="radio"/> Virgin Islands 	N/A	N/A	9
<input type="radio"/> Virginia 	2,208	109	2,317
<input type="radio"/> Washington 	N/A	N/A	1,653
<input type="radio"/> West Virginia 	N/A	N/A	124
<input type="radio"/> Wisconsin 	978	7	985
<input type="radio"/> Wyoming 	27	0	27

New York State’s case and death counts do not include New York City’s counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

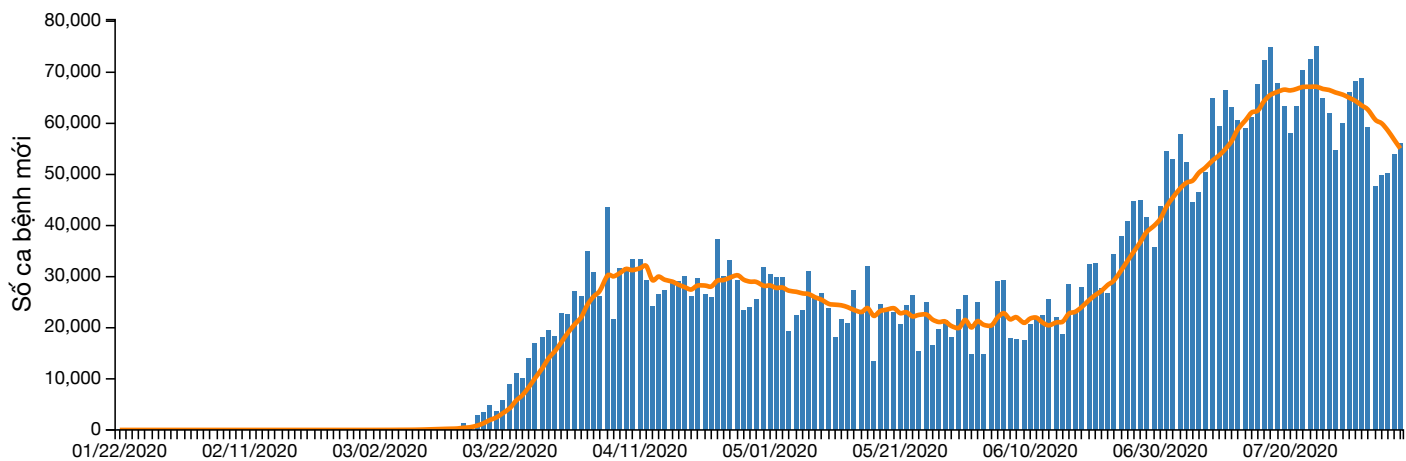
Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFacts.org](#) 

Chọn một Tiểu Bang

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



☐ Ca Bệnh
 ☐ Trung bình 7 ngày
 [Cài đặt lại](#)

Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020	01/28/2020	01/29/2020	01/30/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0	0	0	
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	1	1	1	1	

[Cuộn để xem thông tin bổ sung](#)

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 3.620.197 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 787.333 (21,7%) người. Trong số 124.813 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 85.320 (68,4%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP

124.813

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP

600

Healthcare personnel data are scheduled to be updated on Monday, August 10, 2020, at 12:45 pm ET.

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Cập nhật lần cuối vào ngày 7 tháng 8 năm 2020, 07:00 Chiều

Nguồn nội dung: [Trung Tâm Quốc Gia về Chứng Ngừa và Bệnh Hô Hấp \(NCIRD\)](#), [Phân Ban Bệnh Do Vi-rút](#)